

ĐỀ 01**ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2026-2027****MÔN: TOÁN LỚP 5****PHẦN I. TRẮC NGHIỆM . Khoanh tròn vào đáp án đúng.****Câu 1.** Số thập phân 36,2 đọc là:

A. Ba mươi sáu phẩy hai

B. Ba sáu phẩy hai

C. Ba hai phẩy sáu

D. Sáu phẩy ba hai

Câu 2. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm của 18 ha =m² ?

A. 18000

B. 1800

C. 180000

D. 180

Câu 3. Số bé nhất trong các số: 1,33; 1,23; 1,32; 1,22 là:

A. 1,33

B. 1,23

C. 1,32

D. 1,22

Câu 4. Trong các số đo độ dài dưới đây, số đo nào bằng 1,8 tấn?

A. 18 kg

B. 1 tấn 800kg

C. 180 kg

D. 1 tấn 80 kg

Câu 5. Chữ số 4 trong số thập phân 18,524 thuộc hàng nào?

A. Hàng đơn vị

B. Hàng phần mười

C. Hàng phần trăm

D. Hàng phần nghìn

Câu 6. Số nào dưới đây có chữ số 2 ở hàng phần trăm?

A. 0,0205

B. 0,2005

C. 0,0025

D. 0,0502

Câu 7. 9cm² 8mm² =cm². Số thích hợp vào chỗ chấm là:

A. 98

B. 9,08

C. 9,8

D. 9,008

Câu 8. Đổi: 1300 kg =tấnkg ?

A. 1 tấn 3kg

B. 1 tấn 30kg

C. 1 tấn 300kg

D. 13 tấn 3kg

PHẦN II. TỰ LUẬN**Câu 9. a)** Đặt tính rồi tính

46,57 + 19,9

80 - 9,78

.....

.....

.....

.....

b) Tìm x biết:

$$x - 5,2 = 6,9 - 5,3$$

$$x + 2,7 = 8,9 + 4,2$$

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Đúng viết Đ, sai viết S vào ô trống.

a) 2 giờ 10 phút = 210 phút ☐

b) $340 \text{ dm}^2 = 3,4 \text{ m}^2$ ☐

c) 2,003 tấn = 2 tấn 30kg ☐

d) $1,2\text{m} = 120\text{cm}$ ☐

Câu 11.

a) Một vườn cây hình chữ nhật có diện tích 40m^2 và chiều rộng 5m. Tính chu vi vườn cây đó.

.....

.....

.....

.....

.....

b) Ba quả dưa hấu nặng 3kg. Quả thứ nhất nặng 1,3kg, quả thứ hai nặng 0,9kg. Hỏi quả thứ ba nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 02
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: TOÁN LỚP 5

Câu 1: Số còn thiếu trong dấu chấm sau là: $23,987 = 20 + 3 + 0,9 + \dots + 0,007$

- A. 8 B. 0,8 C. 0,08 D. 80

Câu 2: Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm của $2,6 \text{ ha} = \dots \text{m}^2$?

- A. 2600 B. 260 C. 26000 D. 20600

Câu 3: a) Số bé nhất trong các số: 2,33; 2,23; 2,32; 3,22 là:

- A. 2,33 B. 2,23 C. 2,32 D. 3,22

b) Mẹ đưa An một số tiền đi chợ, nếu giá 25000 đồng 1 kg cá thì An mua được 2 kg và còn thừa 2000 đồng. Nếu mua 3 kg cá như thế thì An thiếu bao nhiêu tiền?

Đáp số :

Câu 4: Trong các số đo độ dài dưới đây, số đo nào không bằng 11,02km?

- A. 11,020km B. 11,20km C. 11km 20m D. 11020m

Câu 5: a) Trên thực tế 1 cân đậu bằng bao nhiêu ki-lô-gam ?

b) Tìm số a, biết a là số tự nhiên và: $24,97 < a < 25,99$. Vậy $a = \dots$

Câu 6: Đặt rồi tính

a) $146,57 + 19,39$

b) $100 - 9,88$

.....

c) $28,5 - 6,18$

d) $11,61 + 4,5$

.....

Câu 7: Đúng viết Đ, sai viết S vào ô trống.

- a) $2\text{kg } 19\text{g} = 2,019\text{g}$ ☐ b) $290\text{ dm}^2 = 2,9\text{ m}^2$ ☐
 c) $8,002\text{ tấn} = 8\text{ tấn } 2\text{ kg}$ ☐ d) $0,89\text{ m} = 89\text{mm}$ ☐

Câu 8: Tính bằng cách thuận tiện.

- a) $4,83 + 2,5 + 5,17$ b) $27,6 + 87,6 + 72,4 + 12,4$

.....

Câu 9: Tìm x biết:

- a) $x - 5,2 = 1,9 + 8,3$ b) $x + 2,7 = 8,7 + 5,2$

.....

Câu 10:

- a) Một vườn cây hình chữ nhật có diện tích 85m^2 và chiều rộng 5m . Tính chu vi vườn cây đó.
 b) Ba quả nặng 1kg . Quả thứ nhất nặng $0,3\text{kg}$, quả thứ hai nặng $0,45\text{kg}$. Hỏi quả thứ ba nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

ĐỀ 03
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: TOÁN LỚP 5

Câu 1: Chữ số 4 trong số thập phân 12,564 có giá trị là:

A. $\frac{4}{1000}$

B. $\frac{4}{100}$

C. 40

D. 4

Câu 2: Trong hộp có 40 viên bi, trong đó có 30 viên bi xanh. Tỷ số phần trăm của số bi xanh và số bi trong hộp là bao nhiêu ?

A. 75%

B. 34%

C. 60%

D. 80%

Câu 3: a) Mua 4 m vải hết 80000 đồng. Hỏi 7,5 m vải loại đó hết bao nhiêu tiền ?

Đáp số :

b) Tính: $23 + 7 + \frac{3}{100} = \dots\dots\dots$

Câu 4: Hỗn số $6\frac{2}{5}$ bằng số thập phân nào dưới đây ?

A. 62,5

B. 65,2

C. 6,4

D. 6,04

Câu 5: Có thể tìm được mấy giá trị của x, biết : $x \times 3,5 < 7$

A. 2 giá trị

B. 3 giá trị

C. 4 giá trị

D. 1 giá trị

Câu 6: Đặt tính rồi tính

a) $97,54 + 69,68$

b) $74,5 - 9,58$

.....

c) $5,73 \times 5,9$

d) $28,5 : 38$

.....

Câu 7: Tính diện hình tam giác biết $a = 21\text{cm}$, $h = 15\text{cm}$.

.....

.....

.....

Câu 8: Tính bằng cách thuận tiện:

$$23 \times 7 + 23 \times 87 + 23 \times 6$$

.....

.....

.....

Câu 9: Tìm x biết:

b) $x \times 5,2 = 49,92$

b) $x : 2,7 = 8,7$

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Mảnh đất hình vuông có cạnh $9,5\text{m}$. Tính diện tích và chu vi mảnh đất trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 1: Chữ số 7 trong số thập phân 19,574 có giá trị là:

A. $\frac{7}{1000}$

B. $\frac{7}{100}$

C. 70

D. 700

Câu 2: Trong hộp có 40 viên bi, trong đó có 24 viên bi xanh. Tỷ số phần trăm của số bi xanh và số bi trong hộp là bao nhiêu ?

A. 20%

B. 40%

C. 60%

D. 80%

Câu 3: a) Mua 4 m vải hết 80000 đồng. Hỏi 5,5 m vải loại đó hết bao nhiêu tiền ?

Đáp số :

b) Tam giác có cạnh đáy là 2dm, chiều cao là 12cm. Vậy diện tích là

Câu 4: Hỗn số $1\frac{2}{5}$ bằng số thập phân nào dưới đây ?

B. 12,5

B. 15,2

C. 1,4

D. 1,04

Câu 5: Có thể tìm được mấy giá trị của x, biết : $x \times 3,5 < 12$

A. 2 giá trị

B. 3 giá trị

C. 4 giá trị

D. 5 giá trị

Câu 6: Đặt tính rồi tính

a) $98,54 + 69,38$

b) $24,5 - 9,18$

.....

c) $5,53 \times 5,8$

d) $92,16 : 3,6$

.....

Câu 7: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $2\text{m } 18\text{mm} = \dots\dots\dots\text{m}$

b) $1206\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ m}^2$

c) $8,08\text{ tấn} = \dots\dots\dots\text{ kg}$

d) $0,2\text{ km} = \dots\dots\dots\text{m}$

Câu 8: a) Tìm 25% của 25.

.....

b) Tìm một số biết 25% của số đó là 25.

.....

Câu 9: Tìm x biết:

c) $x \times 5,2 = 18,9 + 4,5$

b) $x : 2,7 = 8,7 + 5,9$

.....

Câu 10: Mảnh đất hình vuông có cạnh 9,5m. Mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh của mảnh đất hình vuông và chiều dài 16m. Tính tổng diện tích của cả hai mảnh đất đó.

.....

ĐỀ 05
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: TOÁN LỚP 5

Câu 1: Chữ số 9 trong số thập phân 19,532 có giá trị là:

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{100}$ C. 90 D. 9

Câu 2: Trong bể có 25 con cá, trong đó có 15 con cá chép. Tỷ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là bao nhiêu ?

- A. 20% B. 40% C. 60% D. 80%

Câu 3: Tam giác có cạnh đáy là 21cm, chiều cao là 15cm. Vậy diện tích là

Câu 4: Phân số $\frac{2019}{1000}$ bằng số thập phân nào dưới đây ?

- C. 2,019 B. 0,2019 C. 20,19 D. 201,9

Câu 5: Tính chu vi hình tròn biết $r = 4\text{dm}$.

- A. 12,56 dm B. 25,12 cm C. 50,24dm D. 25,12dm

Câu 6: Đặt tính rồi tính

a) $48,52 + 9,98$

b) $27,5 - 13,43$

.....

c) $9,03 \times 5,6$

d) $91,35 : 4,5$

.....

Câu 7: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 tấn 19kg =tấn

b) $2349 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

Câu 8: Tính diện tích hình tròn biết đường kính bằng 6cm.

.....

.....

.....

Câu 9: Tìm x biết:

d) $x \times 5,2 = 17 + 6,92$

b) $x - 2,9 = 8,7 + 7,8$

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Thửa ruộng hình thang có đáy lớn là 30m. Đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn, chiều cao kém đáy bé 5m.

a) Tính diện tích thửa ruộng hình thang đó?

b) Trên thửa ruộng hình thang đó người ta trồng cây cà chua, cứ 5m² thu được 3 ki-lô-gam cà chua chín. Hỏi trên cả thửa ruộng đó thu được mấy tạ cà chua chín?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 06**ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2026-2027****MÔN: TOÁN LỚP 5****Câu 1:** Tìm 5% của 240 là:

A. 12

B. 120

C. 48

D. 24

Câu 2: Một tam giác có diện tích 30cm^2 , cạnh đáy là 10cm. Vậy chiều cao là:

A. 3 cm

B. 6dm

C. 4cm

D. 6cm

Câu 3: Hãy điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào ô trốngb) 10% ☐ $\frac{1}{10}$ b) 2,3 tấn ☐ 2 tấn 30 kg**Câu 4:** Lớp 5B có 32 bạn học sinh, trong đó 12,5% các bạn thích học môn Thủ Công, 25% thích học môn Âm nhạc, 25% thích học Mĩ thuật, 37,5% thích học Thể dục. Hỏi có bao nhiêu bạn thích học Thủ công ?**Trả lời:** Số bạn thích học Thủ công là:.....bạn**Câu 5:** Hình thang có đáy lớn là 20cm, đáy bé là 12cm, chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ đáy lớn. Diện tích hình thang đó là bao nhiêu?A. 120cm^2 B. 400cm^2 C. 480cm^2 D. 240cm^2 **Câu 6:** Một hình lập phương có cạnh 4cm. Thể tích hình lập phương đó là:A. 64cm^2 B. 64cm^3 C. 16cm^3 D. 32cm^3 **Câu 7.** Đặt tính rồi tínha) $43,4 + 7,96$ b) $89,5 - 51,05$

.....

.....

.....

c) $6,3 \times 5,92$ d) $22,168 : 3,4$

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Cho hình tròn có $d = 6 \text{ cm}$.

- a) Tính chu vi hình tròn trên.
b) Tính diện tích hình tròn trên.

Bài giải

.....

Câu 9: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) $0,4 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{cm}$

b) $2019 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{tấn}$

c) $\frac{3}{4} \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

d) $360 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Câu 10. Một cái thùng tôn hình hộp hình chữ nhật không có nắp, chiều dài là 3 m , chiều rộng là $1,5 \text{ m}$, chiều cao là $0,9 \text{ m}$. Tính diện tích miếng tôn để làm chiếc thùng đó?

Bài giải

.....

ĐỀ 07**ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2026-2027****MÔN: TOÁN LỚP 5****Câu 1:** Tỷ số phần trăm giữa 3 và 4 là:

- A. 34% B. 7,5% C. 0,75% D. 75%

Câu 2: $807 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots$ ha. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 8,07 B. 0,807 C. 0,0807 D. 80,7

Câu 3: Hãy điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào ô trống

- c) $20\% \square \frac{1}{4}$ b) $2,019 \text{ km} \square 2019 \text{ m}$

Câu 4: Lớp 5B có 32 bạn học sinh, trong đó 50% các bạn thích học môn Thủ Công, 25% thích học môn Âm nhạc, 25% thích học Mĩ thuật. Hỏi có bao nhiêu bạn thích học Âm nhạc?**Trả lời:** Số bạn thích học Âm nhạc là:.....bạn**Câu 5:** Hình tam giác có đáy là 20cm, chiều cao là 10cm. Diện tích tam giác đó là bao nhiêu?

- A. 200cm^2 B. 400cm^2 C. 50cm^2 D. 100cm^2

Câu 6: Một hình lập phương có cạnh 2cm. Diện tích toàn phần hình lập phương đó là:

- A. 24cm B. 24cm^2 C. 12cm^2 D. 18cm^2

Câu 7. Đặt tính rồi tính

- a) $43,64 + 67,9$ b) $39,5 - 21,45$

.....

- c) $6,23 \times 5,9$ d) $17,55 : 3,9$

.....

Câu 8: Cho hình tròn có Chu vi $C = 6,28\text{cm}$.

- a) Tính đường kính, tính bán kính hình tròn trên.
b) Tính diện tích hình tròn trên.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) $2,3\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$

b) $201800\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$

c) $\frac{1}{4} \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

d) $237\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

Câu 10. Hưởng ứng cuộc vận động thu gom giấy vụn của tỉnh đoàn, mỗi một học sinh góp 1kg giấy vụn cho Tổng phụ trách Đội. Khối lớp 5 Trường Tiểu học Hồ Sơn đã góp được 134,4 kg giấy vụn. Hỏi khối lớp 5 đã vượt mức bao nhiêu phần trăm, biết khối 5 có 128 bạn học sinh.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM. Khoanh tròn vào đáp án đúng.

Câu 1. Hỗn số $2\frac{3}{4}$ được chuyển thành phân số nào dưới đây?

A. $\frac{23}{4}$

B. $\frac{2}{34}$

C. $\frac{10}{4}$

D. $\frac{11}{4}$

Câu 2. So sánh $\frac{7}{5}$ $\frac{4}{5}$. Dấu cần điền là?

A. <

B. >

C. =

D. không so sánh được

Câu 3. 20m 20cm = ? cm. Số cần điền là?

A. 2020

B. 20020

C. 2120

D. 220

Câu 4. Biết $\frac{3}{7}$ số học sinh của lớp 5B là 15 bạn nữ. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh?

A. 45 học sinh

B. 35 học sinh

C. 21 học sinh

D. 30 học sinh

Câu 5. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân ?

A. $\frac{4}{110}$

B. $\frac{2}{10}$

C. $\frac{16}{20}$

D. $\frac{84}{1010}$

Câu 6. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng: $\frac{3}{8} + \frac{1}{4} = ?$

A. $\frac{7}{9}$

B. $\frac{3}{4}$

C. $\frac{4}{12}$

D. $\frac{5}{8}$

Câu 7. Dãy nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn ?

A. $\frac{3}{4}; \frac{2}{4}; \frac{4}{4}$

B. $\frac{1}{5}; \frac{3}{5}; \frac{2}{5}$

C. $\frac{3}{7}; \frac{6}{7}; 1;$

D. $\frac{3}{2}; \frac{4}{2}; \frac{1}{2}$

Câu 8. Tổng hai số là 40, hiệu hai số là 26. Vậy hai số đó là:

A. 20 và 46

B. 32 và 8

C. 36 và 4

D. 33 và 7

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 9. Hiệu hai số bằng 55. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{8}$. Tìm hai số đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Điền dấu >, <, hoặc = vào chỗ chấm.

a) $\frac{12}{16}$ $\frac{6}{8}$; $\frac{13}{24}$ $\frac{15}{24}$; $\frac{3}{4}$ $\frac{3}{5}$; $\frac{23}{35}$ 1; $\frac{3}{4}$ $\frac{2}{3}$

b) $3\frac{4}{10}$ $3\frac{3}{10}$; $2\frac{3}{4}$ $3\frac{3}{4}$;

Câu 11. Tổng số học sinh khối 5 là 172 bạn. Trong đó nam nhiều hơn nữ là 6 bạn. Hỏi khối lớp 5 có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 09**ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2026-2027****MÔN: TOÁN LỚP 5****PHẦN I. TRẮC NGHIỆM.** Khoanh tròn vào đáp án đúng.**Câu 1.** $52\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$?

- A. 5200 B. 52000 C. 520000 D. 520

Câu 2. Đổi hỗn số $4\frac{2}{7}$ bằng phân số nào dưới đây ?

- A. $\frac{42}{7}$ B. $\frac{24}{7}$ C. $\frac{28}{7}$ D. $\frac{30}{7}$

Câu 3. So sánh $\frac{1}{5}$ □ $\frac{5}{10}$. Dấu cần điền là:

- A. > B. < C. = D. không so sánh được

Câu 4. Số thập phân: **Mười một đơn vị, bốn phần trăm** viết là:

- A. 11,04 B. 11,4 C. 1,14 D. 11,400

Câu 5 (0,5 điểm). Phân số nào dưới đây lớn hơn 1 ?

- A. $\frac{4}{13}$ B. $\frac{2}{7}$ C. $\frac{16}{16}$ D. $\frac{27}{19}$

Câu 6. Giá trị của chữ số 7 trong số 4,57 là:

- A. 7 B. 700 C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{100}$

Câu 7. Viết hỗn số $6\frac{9}{100}$ dưới dạng số thập phân ta được số nào dưới đây ?

- A. 6,9 B. 6,09 C. 69,100 D. 6,009

Câu 8 (0,5 điểm). 5 quyển sách như nhau có giá 60 000 đồng. Hỏi 7 quyển như thế có giá bao nhiêu tiền ?

- A. 67 000 đồng B. 74 000 đồng C. 84 000 đồng D. 12 000 đồng

PHẦN II. TỰ LUẬN**Câu 9. a)** Điền dấu (>, <, =) vào chỗ chấm.

9 tấn 3kg 903g 8,56 8,65

 $\frac{3}{4}$ ha 2500m² 73,1 73,10

b) Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân.

$$\frac{6}{100} = \dots\dots\dots; \quad \frac{75}{10} = \dots\dots\dots; \quad \frac{8}{1000} = \dots\dots\dots; \quad \frac{542}{10} = \dots\dots\dots$$

Câu 10. 10 người làm xong một công việc hết 9 ngày. Nay muốn làm xong công việc đó trong 6 ngày thì cần bao nhiêu người ? (mức làm của mỗi người như nhau).

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Diện tích Trường Tiểu học Hồ Sơn rộng 1ha. Trong đó diện tích sân bóng chiếm $\frac{3}{20}$ diện tích toàn trường. Hỏi diện tích sân bóng là bao nhiêu mét vuông ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 10**ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2026-2027****MÔN: TOÁN LỚP 5**

Câu 1: Hỗn số $9\frac{3}{7}$ được chuyển thành phân số nào dưới đây?

A. $\frac{93}{7}$

B. $\frac{63}{7}$

C. $\frac{66}{7}$

D. $\frac{12}{7}$

Câu 2: Biết $\frac{1}{5}$ túi gạo nặng 6 kg. Hỏi 2 túi như thế nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 32 kg

B. 18 kg

C. 30 kg

D. 60 kg

Câu 3: Hãy điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống

a) $6\frac{6}{9} \square 6\frac{23}{12}$ b) $\frac{120}{100} \square 10\frac{15}{100}$

Câu 4: Tính $\frac{1}{3} + \frac{1}{6} \times 4 =$

.....

Câu 5: a) Phân số nào nằm ở giữa hai phân số $\frac{4}{10}$ và $\frac{5}{10}$?

A. $\frac{45}{100}$

B. $\frac{42}{10}$

C. $\frac{1}{10}$

D. $\frac{20}{10}$

b) Số nào lớn nhất trong các số sau?

A. 0,01

B. $\frac{1}{10}$

C. $\frac{1}{1000}$

D. $\frac{1}{100}$

Câu 6: a) Giá trị của chữ số 6 trong số 23,568 là:

A. 60

B. 68

C. 600

D. $\frac{6}{100}$

b) Viết hỗn số $25\frac{37}{1000}$ dưới dạng số thập phân ta được số.....

Câu 7: Mua 5 quyển vở, giá mỗi quyển vở 6000 đồng thì vừa hết số tiền đang có. Cũng với số tiền đó nếu mua vở loại 5000 đồng một quyển thì mua được mấy quyển vở?

Đáp số: Mua được quyển vở loại 5000 đồng.

Câu 8: Điền dấu (>, <, =) vào chỗ chấm.

a) 2kg 50g2005g

b) 4,8094,98

c) $\frac{1}{4}$ ha250m²

d) 0,70,700

Câu 9: Khi viết số thập phân 0,100 dưới dạng phân số, bạn Lan viết: $0,100 = \frac{100}{1000}$; bạn Mỹ viết: $0,100 = \frac{10}{100}$; bạn Hùng viết: $0,100 = \frac{1}{100}$. Ai viết đúng? Ai viết sai? Vì sao?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Một cửa hàng bán được 1 tấn gạo trong 3 ngày. Ngày thứ nhất bán được 600kg, ngày thứ hai bán được số gạo bằng $\frac{1}{3}$ số gạo của ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ ba bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

GIẢI CHI TIẾT ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
ĐỀ 01

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	D	B	D	A	B	C

Câu 1. Số 36,2 đọc là “ba mươi sáu phẩy hai”.

Chọn A.

Câu 2. $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$ nên $18 \text{ ha} = 18 \times 10\,000 = 180\,000 \text{ m}^2$.

Chọn C.

Câu 3. Các số đều có phần nguyên 1. So sánh phần thập phân: $0,22 < 0,23 < 0,32 < 0,33$. Số bé nhất là 1,22.

Chọn D.

Câu 4. $1,8 \text{ tấn} = 1 \text{ tấn} + 0,8 \text{ tấn} = 1 \text{ tấn } 800 \text{ kg}$.

Chọn B.

Câu 5. Trong số 18,524: 5 ở hàng phần mười, 2 ở hàng phần trăm, 4 ở hàng phần nghìn.

Chọn D.

Câu 6. Hàng phần trăm là chữ số thứ hai sau dấu phẩy. Số 0,0205 có chữ số 2 ở hàng phần trăm.

Chọn A.

Câu 7. $1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$ nên $8 \text{ mm}^2 = 0,08 \text{ cm}^2$. Vậy $9 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = 9,08 \text{ cm}^2$.

Chọn B.

Câu 8. $1300 \text{ kg} = 1000 \text{ kg} + 300 \text{ kg} = 1 \text{ tấn } 300 \text{ kg}$.

Chọn C.

Câu 9.

a) $46,57 + 19,9 = 66,47$.

$80 - 9,78 = 70,22$.

b) $x - 5,2 = 6,9 - 5,3$

$x - 5,2 = 1,6$

$x = 1,6 + 5,2 = 6,8$.

$x + 2,7 = 8,9 + 4,2$

$x + 2,7 = 13,1$

$x = 13,1 - 2,7 = 10,4$.

Câu 10.

- a) 2 giờ 10 phút = 120 phút + 10 phút = 130 phút, không phải 210 phút. Sai (S).
 b) $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$ nên $340 \text{ dm}^2 = 3,4 \text{ m}^2$. Đúng (Đ).
 c) 0,003 tấn = 3 kg nên 2,003 tấn = 2 tấn 3 kg, không phải 2 tấn 30 kg. Sai (S).
 d) $1,2 \text{ m} = 120 \text{ cm}$. Đúng (Đ).

Câu 11.

a) Chiều dài vườn cây là: $40 : 5 = 8 \text{ (m)}$.

Chu vi vườn cây là: $(8 + 5) \times 2 = 26 \text{ (m)}$.

Đáp số: 26 m

b) Hai quả dưa đầu nặng: $1,3 + 0,9 = 2,2 \text{ (kg)}$.

Quả dưa thứ ba nặng: $3 - 2,2 = 0,8 \text{ (kg)}$.

Đáp số: 0,8 kg

ĐỀ 02

Câu	1	2	3a	3b	4	5a	5b	7a	7b	7c	7d
Đáp án	C	C	B	23 000đ	B	1 kg	25	S	Đ	Đ	S

Câu 1.

Số 23,987 gồm $20 + 3 + 0,9 + 0,08 + 0,007$. Vậy số còn thiếu là 0,08.

Chọn C.

Câu 2.

$1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$ nên $2,6 \text{ ha} = 2,6 \times 10\,000 = 26\,000 \text{ m}^2$.

Chọn C.

Câu 3.

a) Các số đều có phần nguyên là 2, trừ 3,22. So sánh phần thập phân: $0,23 < 0,32 < 0,33$. Số bé nhất là 2,23. Chọn B.

b) Số tiền mẹ đưa An là: $25\,000 \times 2 + 2000 = 52\,000 \text{ (đồng)}$.

Tiền mua 3 kg cá là: $25\,000 \times 3 = 75\,000 \text{ (đồng)}$.

An còn thiếu: $75\,000 - 52\,000 = 23\,000 \text{ (đồng)}$.

Đáp số: 23 000 đồng

Câu 4.

$11,02 \text{ km} = 11 \text{ km } 20 \text{ m} = 11\,020 \text{ m}$. Số 11,020 km cũng bằng 11,02 km. Riêng $11,20 \text{ km} = 11,2 \text{ km}$ nên không bằng 11,02 km.

Chọn B.

Câu 5.

a) Trong cách gọi thông thường, 1 cân = 1 ki-lô-gam. Vậy 1 cân đậu = 1 kg.

b) Số tự nhiên nằm giữa 24,97 và 25,99 chỉ có số 25. Vậy $a = 25$.

Câu 6. Đặt rồi tính.

a) $146,57 + 19,39 = 165,96$.

b) $100 - 9,88 = 90,12$.

c) $28,5 - 6,18 = 22,32$.

d) $11,61 + 4,5 = 16,11$.

Câu 7.

a) Đề ghi: 2 kg 19 g = 2,019 g. Thực tế 2 kg 19 g = 2019 g, nên khẳng định này Sai.

b) $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$ nên $290 \text{ dm}^2 = 2,9 \text{ m}^2$. Đúng.

c) 0,002 tấn = 2 kg nên 8,002 tấn = 8 tấn 2 kg. Đúng.

d) $0,89 \text{ m} = 890 \text{ mm}$, không phải 89 mm. Sai.

Câu 8.

a) $4,83 + 2,5 + 5,17 = (4,83 + 5,17) + 2,5 = 10 + 2,5 = 12,5$.

b) $27,6 + 87,6 + 72,4 + 12,4 = (27,6 + 72,4) + (87,6 + 12,4) = 100 + 100 = 200$.

Câu 9.

a) $x - 5,2 = 1,9 + 8,3$

$x - 5,2 = 10,2$

$x = 10,2 + 5,2 = 15,4$.

b) $x + 2,7 = 8,7 + 5,2$

$x + 2,7 = 13,9$

$x = 13,9 - 2,7 = 11,2$.

Câu 10.

a) Chiều dài vườn cây là: $85 : 5 = 17 \text{ (m)}$.

Chu vi vườn cây là: $(17 + 5) \times 2 = 44 \text{ (m)}$.

Đáp số: 44 m

b) Hai quả đầu nặng: $0,3 + 0,45 = 0,75 \text{ (kg)}$.

Quả thứ ba nặng: $1 - 0,75 = 0,25 \text{ (kg)}$.

Đáp số: 0,25 kg

Câu	1	2	3a	3b	4	5	7	8	9a	9b	10 DT	10 CV
Đáp án	A	A	150 000đ	30,03	C	A	157,5cm ²	2300	9,6	$\frac{23,4}{9}$	90,25m ²	38m

Câu 1.

Trong số 12,564, chữ số 4 ở hàng phần nghìn nên có giá trị là 4/1000.

Chọn A.

Câu 2.

Tỉ số phần trăm số bi xanh và số bi trong hộp là: $30 : 40 = 0,75 = 75\%$.

Chọn A.

Câu 3.

a) Giá tiền 1 m vải là: $80\,000 : 4 = 20\,000$ (đồng).

Tiền mua 7,5 m vải là: $20\,000 \times 7,5 = 150\,000$ (đồng).

Đáp số: 150 000 đồng

b) $23 + 7 + 3/100 = 30 + 0,03 = 30,03$.

Câu 4.

$2/5 = 0,4$ nên $6\,2/5 = 6,4$.

Chọn C.

Câu 5.

Đề không ghi rõ x thuộc loại số nào. Dựa vào các phương án, ta hiểu x là số tự nhiên có cả 0.

$x \times 3,5 < 7$ nên $x < 7 : 3,5 = 2$.

Các số tự nhiên nhỏ hơn 2 là 0 và 1. Có 2 giá trị.

Đáp số: 2 giá trị (chọn A)

Câu 6. Đặt rồi tính.

a) $97,54 + 69,68 = 167,22$.

b) $74,5 - 9,58 = 64,92$.

c) $5,73 \times 5,9 = 33,807$.

d) $28,5 : 38 = 0,75$.

Câu 7.

Diện tích hình tam giác là: $21 \times 15 : 2 = 157,5$ (cm²).

Đáp số: 157,5 cm²

Câu 8.

$$\begin{aligned} & 23 \times 7 + 23 \times 87 + 23 \times 6 \\ &= 23 \times (7 + 87 + 6) \\ &= 23 \times 100 = 2300. \end{aligned}$$

Câu 9.

a) (Trong đề gốc bị ghi nhầm b)) $x \times 5,2 = 49,92$

$$x = 49,92 : 5,2 = 9,6.$$

b) $x : 2,7 = 8,7$

$$x = 8,7 \times 2,7 = 23,49.$$

Câu 10.

Diện tích mảnh đất hình vuông là: $9,5 \times 9,5 = 90,25 \text{ (m}^2\text{)}.$

Chu vi mảnh đất hình vuông là: $9,5 \times 4 = 38 \text{ (m)}.$

Đáp số: Diện tích 90,25 m²; chu vi 38 m

Câu	1	2	3a	3b	4	5	8a	8b	9a	9b	10
Đáp án	B	C	110 000đ	120cm ²	C	C	6,25	100	4,5	39,4 2	242,25m ²

Câu 1.

Trong số 19,574, chữ số 7 ở hàng phần trăm nên có giá trị là 7/100.

Chọn B.

Câu 2.

Tỉ số phần trăm là: $24 : 40 = 0,6 = 60\%$.

Chọn C.

Câu 3.

a) Giá tiền 1 m vải là: $80\ 000 : 4 = 20\ 000$ (đồng).

Tiền mua 5,5 m vải là: $20\ 000 \times 5,5 = 110\ 000$ (đồng).

Đáp số: 110 000 đồng

b) Đổi 2 dm = 20 cm.

Diện tích tam giác là: $20 \times 12 : 2 = 120$ (cm²).

Đáp số: 120 cm²

Câu 4.

$2/5 = 0,4$ nên $1\ 2/5 = 1,4$. Trong đề gốc phương án đầu bị ghi nhầm B thay vì A; phương án đúng vẫn là 1,4.

Chọn C.

Câu 5.

Đề không ghi rõ x thuộc loại số nào. Dựa vào các phương án, hiểu x là số tự nhiên có cả 0.

$x \times 3,5 < 12$ nên $x < 12 : 3,5 \approx 3,43$.

Các số tự nhiên phù hợp là 0; 1; 2; 3. Có 4 giá trị.

Đáp số: 4 giá trị (chọn C)

Câu 6. Đặt rồi tính.

a) $98,54 + 69,38 = 167,92$.

b) $24,5 - 9,18 = 15,32$.

c) $5,53 \times 5,8 = 32,074$.

d) $92,16 : 3,6 = 25,6$.

Câu 7.

a) 18 mm = 0,018 m nên 2 m 18 mm = 2,018 m.

b) 1 m² = 100 dm² nên 1206 dm² = 12,06 m².

c) 1 tấn = 1000 kg nên 8,08 tấn = 8080 kg.

d) 1 km = 1000 m nên 0,2 km = 200 m.

Câu 8.

a) $25\% = 1/4$. Vậy 25% của 25 là: $25 : 4 = 6,25$.

b) 25% của một số bằng 25, tức $1/4$ của số đó bằng 25. Số cần tìm là: $25 \times 4 = 100$.

Câu 9.

a) (Trong đề gốc bị ghi nhầm c)) $x \times 5,2 = 18,9 + 4,5$

$$x \times 5,2 = 23,4$$

$$x = 23,4 : 5,2 = 4,5.$$

b) $x : 2,7 = 8,7 + 5,9$

$$x : 2,7 = 14,6$$

$$x = 14,6 \times 2,7 = 39,42.$$

Câu 10.

Diện tích mảnh đất hình vuông là: $9,5 \times 9,5 = 90,25 \text{ (m}^2\text{)}.$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $16 \times 9,5 = 152 \text{ (m}^2\text{)}.$

Tổng diện tích hai mảnh đất là: $90,25 + 152 = 242,25 \text{ (m}^2\text{)}.$

Đáp số: 242,25 m²

Câu	1	2	3	4	5	7a	7b	8	9a	9b	10a	10b
Đáp án	D	C	157,5cm ²	2,01 9	D	2,019t	0,2349m ₂	28,26cm ²	4,6	19,4	375m ²	2,25tạ

Câu 1.

Trong số 19,532, chữ số 9 đứng ở hàng đơn vị nên có giá trị là 9.

Chọn D.

Câu 2.

Tỉ số phần trăm số cá chép và số cá trong bể là: $15 : 25 = 0,6 = 60\%$.

Chọn C.

Câu 3.

Diện tích hình tam giác là: $21 \times 15 : 2 = 157,5 \text{ (cm}^2\text{)}$.

Đáp số: 157,5 cm²

Câu 4.

$2019/1000 = 2,019$. Vì mẫu số là 1000 nên ta viết ba chữ số ở phần thập phân.

Đáp số: 2,019

Câu 5.

Chu vi hình tròn là: $2 \times 3,14 \times 4 = 25,12 \text{ (dm)}$.

Chọn D.

Câu 6. Đặt rồi tính.

a) $48,52 + 9,98 = 58,50 = 58,5$.

b) $27,5 - 13,43 = 14,07$.

c) $9,03 \times 5,6 = 50,568$.

d) $91,35 : 4,5 = 20,3$.

Câu 7.

a) $19 \text{ kg} = 0,019 \text{ tấn}$ nên $2 \text{ tấn } 19 \text{ kg} = 2,019 \text{ tấn}$.

b) $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$ nên $2349 \text{ cm}^2 = 2349 : 10\,000 = 0,2349 \text{ m}^2$.

Câu 8.

Đường kính là 6 cm nên bán kính là: $6 : 2 = 3 \text{ (cm)}$.

Diện tích hình tròn là: $3 \times 3 \times 3,14 = 28,26 \text{ (cm}^2\text{)}$.

Đáp số: 28,26 cm²

Câu 9.

a) (Trong đề gốc bị ghi nhầm d)) $x \times 5,2 = 17 + 6,92$

$x \times 5,2 = 23,92$

$$x = 23,92 : 5,2 = 4,6.$$

$$b) x - 2,9 = 8,7 + 7,8$$

$$x - 2,9 = 16,5$$

$$x = 16,5 + 2,9 = 19,4.$$

Câu 10.

Đáy bé của thửa ruộng là: $30 \times 2/3 = 20$ (m).

Chiều cao của thửa ruộng là: $20 - 5 = 15$ (m).

a) Diện tích thửa ruộng là: $(30 + 20) \times 15 : 2 = 375$ (m²).

Đáp số: a) 375 m²

b) Số nhóm 5 m² có trong thửa ruộng là: $375 : 5 = 75$ (nhóm).

Khối lượng cà chua thu được là: $75 \times 3 = 225$ (kg).

Đổi 225 kg = 2,25 tạ.

Đáp số: b) 2,25 tạ cà chua

Câu	1	2	3a	3b	4	5	6
Đáp án	A	D	=	>	4 bạn	D	B

Câu 1. Ta có $5\% = 5/100$. Vậy 5% của 240 là: $240 \times 5 : 100 = 12$.

Chọn A.

Câu 2. Diện tích tam giác = đáy $\times$ chiều cao : 2. Suy ra chiều cao = $30 \times 2 : 10 = 6$ (cm).

Chọn D.

Câu 3.

a) $10\% = 10/100 = 1/10$. Vì vậy điền dấu =.

b) 2,3 tấn = 2300 kg; 2 tấn 30 kg = 2030 kg. Vì $2300 > 2030$ nên điền dấu >.

Câu 4.

$12,5\% = 1/8$.

Số bạn thích học Thủ công là: $32 : 8 = 4$ (bạn).

Đáp số: 4 bạn

Câu 5. Chiều cao hình thang là: $20 \times 3/4 = 15$ (cm). Diện tích là: $(20 + 12) \times 15 : 2 = 240$ (cm²).

Chọn D.

Câu 6. Thể tích hình lập phương là: $4 \times 4 \times 4 = 64$ (cm³).

Chọn B.

Câu 7. Đặt tính rồi tính.

a) $43,4 + 7,96 = 51,36$.

b) $89,5 - 51,05 = 38,45$.

c) $6,3 \times 5,92 = 37,296$.

d) $22,168 : 3,4 = 6,52$.

Câu 8.

Đường kính $d = 6$ cm nên bán kính là: $6 : 2 = 3$ (cm).

a) Chu vi hình tròn là: $6 \times 3,14 = 18,84$ (cm).

b) Diện tích hình tròn là: $3 \times 3 \times 3,14 = 28,26$ (cm²).

Đáp số: Chu vi 18,84 cm; diện tích 28,26 cm²

Câu 9.

a) $0,4 \text{ m} = 0,4 \times 100 = 40 \text{ cm}$.

b) $2019 \text{ kg} = 2019 : 1000 = 2,019 \text{ tấn}$.

c) $1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ dm}^3$ nên $3/4 \text{ m}^3 = 1000 \times 3/4 = 750 \text{ dm}^3$.

d) $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$ nên $360 \text{ cm}^2 = 360 : 10\,000 = 0,036 \text{ m}^2$.

Câu 10.

Chiếc thùng không có nắp nên miếng tôn gồm: đáy và 4 mặt bên.

Diện tích đáy là: $3 \times 1,5 = 4,5 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích hai mặt bên dài là: $3 \times 0,9 \times 2 = 5,4 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích hai mặt bên rộng là: $1,5 \times 0,9 \times 2 = 2,7 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích miếng tôn cần dùng là: $4,5 + 5,4 + 2,7 = 12,6 \text{ (m}^2\text{)}$.

Đáp số: 12,6 m²

Câu	1	2	3a	3b	4	5	6
Đáp án	D	C	<	=	8 bạn	D	B

Câu 1. Tỷ số phần trăm giữa 3 và 4 là: $3 : 4 = 0,75 = 75\%$.

Chọn D.

Câu 2. $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$ nên $807 \text{ m}^2 = 807 : 10\,000 = 0,0807 \text{ ha}$.

Chọn C.

Câu 3.

a) $20\% = 0,2$; $1/4 = 0,25$. Vì $0,2 < 0,25$ nên điền dấu <.

b) $2,019 \text{ km} = 2,019 \times 1000 = 2019 \text{ m}$. Vì vậy điền dấu =.

Câu 4.

$25\% = 1/4$.

Số bạn thích học Âm nhạc là: $32 : 4 = 8$ (bạn).

Đáp số: 8 bạn

Câu 5. Diện tích tam giác là: $20 \times 10 : 2 = 100 \text{ (cm}^2\text{)}$.

Chọn D.

Câu 6. Diện tích toàn phần hình lập phương là: $2 \times 2 \times 6 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$.

Chọn B.

Câu 7. Đặt tính rồi tính.

a) $43,64 + 67,9 = 111,54$.

b) $39,5 - 21,45 = 18,05$.

c) $6,23 \times 5,9 = 36,757$.

d) $17,55 : 3,9 = 4,5$.

Câu 8.

Chu vi $C = 6,28 \text{ cm}$.

a) Đường kính là: $6,28 : 3,14 = 2 \text{ (cm)}$.

Bán kính là: $2 : 2 = 1 \text{ (cm)}$.

b) Diện tích hình tròn là: $1 \times 1 \times 3,14 = 3,14 \text{ (cm}^2\text{)}$.

Đáp số: Đường kính 2 cm; bán kính 1 cm; diện tích 3,14 cm²

Câu 9.

a) $1 \text{ dm}^3 = 1000 \text{ cm}^3$ nên $2,3 \text{ dm}^3 = 2300 \text{ cm}^3$.

b) $201800 \text{ cm}^3 = 201800 : 1000 = 201,8 \text{ dm}^3$.

c) $1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ dm}^3$ nên $1/4 \text{ m}^3 = 250 \text{ dm}^3$.

d) $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$ nên $237 \text{ dm}^2 = 23\,700 \text{ cm}^2$.

Câu 10.

Theo mức quy định, 128 học sinh cần góp: $128 \times 1 = 128$ (kg) giấy vụn.

Khối 5 đã góp vượt mức: $134,4 - 128 = 6,4$ (kg).

Tỉ số phần trăm vượt mức là: $6,4 : 128 \times 100 = 5$ (%).

Đáp số: 5%

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	A	B	B	D	C	D

Câu 1. Đổi hỗn số $2\frac{3}{4}$ thành phân số: $(2 \times 4 + 3)/4 = 11/4$.

Chọn D.

Câu 2. Hai phân số có cùng mẫu số 5. Vì $7 > 4$ nên $7/5 > 4/5$.

Chọn B.

Câu 3. $20\text{ m} = 2000\text{ cm}$. Vậy $20\text{ m } 20\text{ cm} = 2000 + 20 = 2020\text{ cm}$.

Chọn A.

Câu 4. $3/7$ số học sinh là 15 bạn. Vậy $1/7$ số học sinh là $15 : 3 = 5$ (bạn). Cả lớp có: $5 \times 7 = 35$ (bạn).

Chọn B.

Câu 5. Phân số thập phân có mẫu số là 10, 100, 1000,... Trong các lựa chọn, $2/10$ là phân số thập phân.

Chọn B.

Câu 6. $1/4 = 2/8$. Vậy $3/8 + 1/4 = 3/8 + 2/8 = 5/8$.

Chọn D.

Câu 7. Dãy $3/7$; $6/7$; 1 được sắp xếp từ bé đến lớn vì $3/7 < 6/7 < 7/7 = 1$.

Chọn C.

Câu 8. Số lớn $= (40 + 26) : 2 = 33$. Số bé $= 40 - 33 = 7$.

Chọn D.

Câu 9.

Tỉ số của hai số là $3 : 8$. Hiệu số phần bằng nhau là: $8 - 3 = 5$ (phần).

Giá trị 1 phần là: $55 : 5 = 11$.

Số bé là: $11 \times 3 = 33$.

Số lớn là: $11 \times 8 = 88$.

Đáp số: 33 và 88

Câu 10.

a) $12/16 = 3/4$ và $6/8 = 3/4$ nên $12/16 = 6/8$.

$13/24 < 15/24$ vì cùng mẫu 24 mà $13 < 15$.

$3/4 > 3/5$ vì cùng tử 3, mẫu số 4 nhỏ hơn mẫu số 5.

$23/35 < 1$ vì tử số 23 nhỏ hơn mẫu số 35.

$3/4 > 2/3$ vì $3 \times 3 = 9 > 2 \times 4 = 8$.

b) $3\frac{4}{10} > 3\frac{3}{10}$ vì cùng phần nguyên 3 và $4/10 > 3/10$.

$2\frac{3}{4} < 3\frac{3}{4}$ vì $2 < 3$.

Câu 11.

Số học sinh nam là: $(172 + 6) : 2 = 89$ (bạn).

Số học sinh nữ là: $172 - 89 = 83$ (bạn).

Đáp số: 89 bạn nam; 83 bạn nữ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	B	A	D	D	B	C

Câu 1. $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$. Vậy $52 \text{ ha} = 52 \times 10\,000 = 520\,000 \text{ m}^2$.

Chọn C.

Câu 2. $4\frac{2}{7} = (4 \times 7 + 2)/7 = 30/7$.

Chọn D.

Câu 3. $1/5 = 2/10$. Vì $2/10 < 5/10$ nên $1/5 < 5/10$.

Chọn B.

Câu 4. “Mười một đơn vị, bốn phần trăm” nghĩa là $11 + 4/100 = 11,04$.

Chọn A.

Câu 5. Phân số lớn hơn 1 phải có tử số lớn hơn mẫu số. Chỉ có $27/19 > 1$.

Chọn D.

Câu 6. Trong số 4,57, chữ số 7 ở hàng phần trăm nên có giá trị $7/100$.

Chọn D.

Câu 7. $6\frac{9}{100} = 6 + 0,09 = 6,09$.

Chọn B.

Câu 8. Giá 1 quyển sách là: $60\,000 : 5 = 12\,000$ đồng. Giá 7 quyển là: $12\,000 \times 7 = 84\,000$ đồng.

Chọn C.

Câu 9.

a) $9 \text{ tấn } 3 \text{ kg} = 9003 \text{ kg} = 9\,003\,000 \text{ g}$, nên $9 \text{ tấn } 3 \text{ kg} > 903 \text{ g}$.

$8,56 < 8,65$.

$\frac{3}{4} \text{ ha} = 10\,000 \times \frac{3}{4} = 7500 \text{ m}^2$, nên $\frac{3}{4} \text{ ha} > 2500 \text{ m}^2$.

$73,1 = 73,10$.

b) $6/100 = 0,06$; $75/10 = 7,5$; $8/1000 = 0,008$; $542/10 = 54,2$.

Câu 10.

Nếu 10 người làm trong 9 ngày thì tổng số công là: $10 \times 9 = 90$ (người-ngày).

Muốn làm xong trong 6 ngày thì số người cần là: $90 : 6 = 15$ (người).

Đáp số: 15 người

Câu 11.

Đổi: $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$.

Diện tích sân bóng là: $10\,000 \times \frac{3}{20} = 1500 \text{ (m}^2\text{)}$.

Đáp số: 1500 m²

Câu	1	2	3a	3b	4	5a	5b	6a	6b	7	8a	8b	8c	8d
Đáp án	C	D	=	<	1	A	B	D	25,037	6	>	<	>	=

Câu 1.

Muốn đổi hỗn số $9 \frac{3}{7}$ thành phân số, ta lấy 9×7 rồi cộng 3: $9 \times 7 + 3 = 66$. Giữ nguyên mẫu số 7, ta được $\frac{66}{7}$.

Chọn C.

Câu 2.

$\frac{1}{5}$ túi gạo nặng 6 kg nên 1 túi gạo nặng: $6 \times 5 = 30$ (kg). Hai túi như thế nặng: $30 \times 2 = 60$ (kg).

Chọn D.

Câu 3.

- a) $6 \frac{6}{9}$ và $6 \frac{2}{3}$ có cùng phần nguyên là 6. Ta có $\frac{6}{9} = \frac{2}{3}$ nên $6 \frac{6}{9} = 6 \frac{2}{3}$. Điền dấu =.
 b) $\frac{120}{100} = 1,2$; $\frac{15}{10} = 1,5$. Vì $1,2 < 1,5$ nên $\frac{120}{100} < \frac{15}{10}$. Điền dấu <.

Câu 4.

Ta thực hiện phép nhân trước: $\frac{1}{6} \times 4 = \frac{4}{6} = \frac{2}{3}$.

Sau đó: $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} = \frac{3}{3} = 1$.

Đáp số: 1

Câu 5.

- a) $\frac{4}{10} = 0,4$ và $\frac{5}{10} = 0,5$. Trong các phương án, $\frac{45}{100} = 0,45$. Vì $0,4 < 0,45 < 0,5$ nên chọn $\frac{45}{100}$.
 b) Đổi về số thập phân: $\frac{1}{10} = 0,1$; $\frac{1}{100} = 0,01$; $\frac{1}{1000} = 0,001$. Số lớn nhất là $0,1 = \frac{1}{10}$.

Câu 6.

- a) Trong số 23,568, chữ số 6 đứng ở hàng phần trăm nên có giá trị là $\frac{6}{100} = 0,06$. Chọn D.
 b) $25 \frac{37}{1000} = 25 + 0,037 = 25,037$.

Câu 7.

Số tiền đang có là: $6000 \times 5 = 30\,000$ (đồng).

Số quyền vở loại 5000 đồng mua được là: $30\,000 : 5000 = 6$ (quyển).

Đáp số: 6 quyển vở

Câu 8.

- a) $2\text{ kg } 50\text{ g} = 2050\text{ g}$. Vì $2050\text{ g} > 2005\text{ g}$ nên điền >.
 b) Viết $4,98 = 4,980$. So sánh $4,809 < 4,980$ nên điền <.

c) $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$ nên $1/4 \text{ ha} = 2500 \text{ m}^2$. Vì $2500 \text{ m}^2 > 250 \text{ m}^2$ nên điền $>$.

d) $0,7 = 0,700$ nên điền $=$.

Câu 9.

Ta có $0,100 = 0,1$.

Bạn Lan: $100/1000 = 0,1$ nên viết đúng.

Bạn Mỹ: $10/100 = 0,1$ nên viết đúng.

Bạn Hùng: $1/100 = 0,01$, không bằng $0,100$ nên viết sai.

Đáp số: Lan và Mỹ đúng; Hùng sai

Câu 10.

Đổi: $1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg}$.

Ngày thứ hai bán được: $600 \times 1/3 = 200 \text{ (kg)}$.

Hai ngày đầu bán được: $600 + 200 = 800 \text{ (kg)}$.

Ngày thứ ba bán được: $1000 - 800 = 200 \text{ (kg)}$.

Đáp số: 200 kg gạo

GHI NHỚ NHANH

1. Tìm $a\%$ của một số: lấy số đó $\times a : 100$.
2. Muốn tìm một số khi biết 25% của số đó, nhớ $25\% = 1/4$.
3. Diện tích tam giác = đáy $\times$ chiều cao $: 2$.
4. Diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) $\times$ chiều cao $: 2$.
5. Hình vuông: chu vi = cạnh $\times 4$; diện tích = cạnh $\times$ cạnh.
6. Hình tròn: chu vi = đường kính $\times 3,14 = 2 \times 3,14 \times$ bán kính; diện tích = bán kính $\times$ bán kính $\times 3,14$.
7. Đổi đơn vị trước khi tính: $1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg}$; $1 \text{ kg} = 1000 \text{ g}$; $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$; $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$; $1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ dm}^3$; $1 \text{ dm}^3 = 1000 \text{ cm}^3$.
8. Khi cộng, trừ số thập phân phải đặt các dấu phẩy thẳng cột với nhau.
9. Bài toán tổng - hiệu: số lớn = (tổng + hiệu) $: 2$; số bé = (tổng - hiệu) $: 2$.